

Phụ lục 9.3
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THÀNH PHỐ SỬ DỤNG VỐN NSTP NĂM 2020
(Kèm theo nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2019		Kế hoạch năm 2020	CTH T 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	1	52					4.362.742	3.136.800	935.500	1.126.900	52		
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA		52					4.215.462	3.135.700	935.500	1.026.900	52		
I	CTMTQG Xây dựng nông thôn mới		52					4.215.462	3.135.700	935.500	1.026.900	52		
1	<i>Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (05 tỷ đồng/xã)</i>					26 xã		580.000	450.000	115.000	130.000			
-	Ba Vì					11 xã		115.000	60.000	20.000	55.000			
-	Chương Mỹ					01 xã		100.000	95.000	25.000	5.000			
-	Mỹ Đức					06 xã		80.000	50.000	10.000	30.000			
-	Phú Xuyên					02 xã		95.000	85.000	20.000	10.000			
-	Thường Tín					02 xã		90.000	80.000	15.000	10.000			
-	Ứng Hòa					04 xã		100.000	80.000	25.000	20.000			
2	<i>Hỗ trợ kiên cố hóa thủy lợi nội đồng, giao thông thôn xóm theo Quyết định 16/2012/QĐ-UBND ngày 06/7/2012</i>							2.513.401	1.837.100	820.500	636.900			
-	Ba Vì					119,6km GTNT, 156,5km kênh mương		111.562	94.800	42.400	15.200			
-	Chương Mỹ					687,3km GTNT, 875,9km kênh mương		633.916	460.800	190.000	164.200			

TT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2019		Kế hoạch năm 2020	CTH T 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Riêng năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
-	Mỹ Đức					75,5km GTNT, 318,7km kênh mương		136.386	109.400	52.900	25.600			
-	Phú Xuyên					367,1km GTNT, 395,4km kênh mương		316.878	217.400	113.300	92.600			
-	Quốc Oai					496,0km GTNT, 647,4km kênh mương		462.061	329.000	144.500	129.000			
-	Sóc Sơn					489,9km GTNT, 519,8km kênh mương		420.487	299.600	128.300	115.400			
-	Thanh Oai					231,9km GTNT, 152,3km kênh mương		170.897	125.900	58.900	39.100			
-	Thường Tín					79,8km GTNT, 28,5km kênh mương		51.629	43.800	17.000	7.200			
-	Ứng Hòa					204,4km GTNT, 330,8km kênh mương		209.585	156.400	73.200	48.600			
3	Hỗ trợ các huyện đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới (30 tỷ đồng/huyện)					02 huyện					60.000			
-	Thanh Oai										30.000			
-	Thường Tín										30.000			
II	Kế hoạch 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020		52					1.122.060	848.600		200.000	52		
II.1	Lĩnh vực y tế		1					8.600	7.000		200	1		
1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế xã Đông Xuân		1	Đông Xuân - Quốc Oai	2016-2020	Xây mới, đảm bảo đạt chuẩn QG về y tế	2393/QĐ-UBND; 15/10/2012	8.600	7.000		200	1	UBND huyện Quốc Oai	

TT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-IIT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2019		Kế hoạch năm 2020	CTH T 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
II.2	Lĩnh vực thủy lợi		5					85.625	71.000		11.900	5		
1	Xây dựng Trạm bơm tưới xã Đông Xuân		1	Đông Xuân - Quốc Oai	2016-2020	XD mới trạm bơm phục vụ tưới 80ha đất nông nghiệp	3755/QĐ-UBND; 30/10/2013	11.327	10.000		400	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Kè chống sạt lở đê bao vùng 700		1	An Phú - Mỹ Đức	2016-2020	Hệ chân, kè dài 3km; nâng cấp mặt đê.	1623/QĐ-UBND 18/8/2011; 1355/QĐ-UBND 21/7/2014	39.838	33.000		6.800	1	UBND huyện Mỹ Đức	
3	Cải tạo, nâng cấp vai, mương xã Yên Bài		1	Yên Bài - Ba Vì	2016-2020	Xây mới vai đập giữ nước và hệ thống kênh mương dẫn nước dài 3km	2019/QĐ-UBND; 31/12/2013	8.738	7.000		1.700	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Cải tạo, nâng cấp vai, mương xã Ba Trại		1	Ba Trại - Ba Vì	2016-2020	Xây mới vai đập giữ nước và hệ thống kênh mương dẫn nước dài 3,5km	2020/QĐ-UBND; 31/12/2013	12.084	11.000		1.000	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh, vai đập xã Minh Quang		1	Minh Quang - Ba Vì	2016-2020	Xây mới vai đập giữ nước và hệ thống kênh mương dẫn nước dài 3,8km	2021/QĐ-UBND; 31/12/2013	13.638	10.000		2.000	1	UBND huyện Ba Vì	
II.3	Lĩnh vực giao thông		31					745.538	528.100		163.100	31		
1	Đường giao thông thôn Cửa Khấu, Đồng Chằm, xã Đông Xuân		1	Đông Xuân - Quốc Oai	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 2,5km	2184/QĐ-UBND; 19/9/2012	14.829	13.000		1.800	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Đường giao thông thôn Hợp Nhất, xã Ba Vì		1	Ba Vì - Ba Vì	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 1,5km	1606/QĐ-UBND; 08/11/2013	6.791	5.000		500	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Đường giao thông thôn Hợp Sơn, xã Ba Vì		1	Ba Vì - Ba Vì	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 1,5km	1607/QĐ-UBND; 08/11/2013	14.999	11.000		500	1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2019		Kế hoạch năm 2020	CTH T 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Đường giao thông thôn Yên Sơn, xã Ba Vì		1	Ba Vì - Ba Vì	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 2,5km	1608/QĐ-UBND; 08/11/2013	18.285	16.000		500	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Đường Minh Quang-Ba Trại		1	Minh Quang - Ba Trại	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT loại A, chiều dài 7 km	379/QĐ-UBND 24/4/2013	64.244	37.000		25.200	1	UBND huyện Ba Vì	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Vân Hòa - Yên Bài		1	Vân Hòa, Yên Bài	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT loại A, chiều dài 6,5km	600/QĐ-UBND; 19/6/2014	48.926	39.000		7.500	1	UBND huyện Ba Vì	
7	Đường trục giao thông thôn Bận, xã Vân Hoà		1	Vân Hòa - Ba Vì	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 2,5km	1617/QĐ-UBND; 08/11/2013	22.596	20.000		2.500	1	UBND huyện Ba Vì	
8	Đường trục giao thông thôn Muồng Phú Vàng, xã Vân Hoà		1	Vân Hòa - Ba Vì	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 2,5km	1618/QĐ-UBND; 08/11/2013	29.459	25.000		3.000	1	UBND huyện Ba Vì	
9	Đường trục giao thông xã Yên Bài		1	Yên Bài - Ba Vì	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 1km	1411/QĐ-UBND; 24/10/2013	19.173	16.000		1.600	1	UBND huyện Ba Vì	
10	Đường Hương Canh đi xóm Bóp, xã Khánh Thượng		1	Khánh Thượng - Ba Vì	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 2,5km	1111/QĐ-UBND; 24/10/2011	14.091	12.000		1.800	1	UBND huyện Ba Vì	
11	Đường trục thôn Phú Yên, xã Yên Bài		1	Yên Bài - Ba Vì	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 5km	2031/QĐ-UBND; 31/12/2013	61.716	35.000		25.500	1	UBND huyện Ba Vì	
12	Đường trục các thôn: 5, 6, 7, 8, xã Ba Trại		1	Ba Trại - Ba Vì	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 5km	2025/QĐ-UBND; 31/12/2013	54.900	39.000		12.500	1	UBND huyện Ba Vì	
13	Đường giao thông Ba Trại - Cẩm Lĩnh		1	Ba Trại - Ba Vì	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 3,5km	136/QĐ-UBND; 20/02/2014	40.391	34.000		1.500	1	UBND huyện Ba Vì	
14	Cải tạo trục đường giao thông thôn Đình đi UBND xã Yên Bình		1	Yên Bình - Thạch Thát	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bê tông xi măng, chiều dài 2km	6939/QĐ-UBND; 31/10/2013	6.780	6.000		400	1	UBND huyện Thạch Thát	

TT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2019		Kế hoạch năm 2020	CTH T 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
15	Đường trục thôn Trại Mới 2		1	Tiến Xuân - Thạch Thất	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề rộng xi măng, chiều dài 1,5km	6955/QĐ-UBND; 31/10/2013	5.942	4.300		700	1	UBND huyện Thạch Thất	
16	Đường GTNT từ Cổ Đụng 1 đến Cổ Đụng 2		1	Tiến Xuân - Thạch Thất	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề rộng xi măng, chiều dài 1,5km	6944/QĐ-UBND; 31/10/2013	6.992	5.000		500	1	UBND huyện Thạch Thất	
17	Cải tạo trục đường GTNT từ Gò Chối đến Đồng Cao, xã Tiến Xuân		1	Tiến Xuân - Thạch Thất	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề rộng xi măng, chiều dài 2km	6957/QĐ-UBND; 31/10/2013	6.677	5.000		200	1	UBND huyện Thạch Thất	
18	Cải tạo trục đường GTNT từ Gò Chè đi Bình Sơn, xã Tiến Xuân		1	Tiến Xuân - Thạch Thất	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề rộng xi măng, chiều dài 2,5km	6956/QĐ-UBND; 31/10/2013	10.608	8.000		200	1	UBND huyện Thạch Thất	
19	Đường trục xã Phú Mãn		1	Phú Mãn - Quốc Oai	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề rộng xi măng, chiều dài 3,5km	3742/QĐ-UBND; 29/10/2013	14.504	12.000		2.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
20	Đường giao thông thôn Đồng Âm, xã Phú Mãn		1	Phú Mãn - Quốc Oai	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề rộng xi măng, chiều dài 3km	3746/QĐ-UBND; 29/10/2013	13.996	11.000		1.900	1	UBND huyện Quốc Oai	
21	Đường giao thông liên thôn xã Đồng Xuân		1	Đồng Xuân - Quốc Oai	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề rộng xi măng, chiều dài 2,5km	8437/QĐ-UBND; 28/10/2011; 8614/QĐ-UBND; 16/5/2012;	9.980	8.000		1.800	1	UBND huyện Quốc Oai	
22	Đường giao thông thôn Đá Thâm, xã Đồng Xuân		1	Đồng Xuân - Quốc Oai	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề rộng xi măng, chiều dài 3km	3710/QĐ-UBND; 24/10/2013	13.934	11.000		1.800	1	UBND huyện Quốc Oai	
23	Đường giao thông thôn Đồng Âm, xã Đồng Xuân		1	Đồng Xuân - Quốc Oai	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề rộng xi măng, chiều dài 3km	3754/QĐ-UBND; 30/10/2013	14.865	13.000		800	1	UBND huyện Quốc Oai	
24	Đường giao thông thôn Đồng Bèn, xã Đồng Xuân		1	Đồng Xuân - Quốc Oai	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề rộng xi măng, chiều dài 3km	3758/QĐ-UBND; 31/10/2013	14.891	13.500		200	1	UBND huyện Quốc Oai	

TT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2019		Kế hoạch năm 2020	CTH T 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMĐT	Tổng số	Riêng năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
25	Đường giao thông thôn Cổ Rùa, xã Phú Mãn		1	Phú Mãn - Quốc Oai	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề tổng xi măng, chiều dài 3km	1845/QĐ-UBND; 29/10/2013	14.301	12.000		1.500	1	UBND huyện Quốc Oai	
26	Đường giao thôn Đồng Võ, xã Phú Mãn		1	Phú Mãn - Quốc Oai	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề tổng xi măng, chiều dài 2,5km	3761/QĐ-UBND; 31/10/2013	9.000	8.000		500	1	UBND huyện Quốc Oai	
27	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã An Phú		1	An Phú - Mỹ Đức	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, bề tổng xi măng, chiều dài 3km	2134/QĐ-UBND; 24/10/2013	14.707	12.000		1.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
28	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã An Phú đoạn từ cầu Ái Nàng đi cầu Bãi Giữa		1	An Phú - Mỹ Đức	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT loại A, chiều dài 4km	1140/QĐ-UBND 24/6/2014	35.175	30.000		1.500	1	UBND huyện Mỹ Đức	
29	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã An Phú kết hợp kè mương thoát lũ		1	An Phú - Mỹ Đức	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT loại A, chiều dài 5km	1139/QĐ-UBND 24/6/2014	39.860	33.000		5.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	
30	Đường giao thông liên thôn Minh Hồng - Đầm Sắn - Vồng - Gốc Vải, xã Minh Quang		1	Minh Quang - Ba Vì	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, chiều dài 5km	1200/QĐ -UBND 27/10/2011; 260/QĐ-UBND 02/4/2015	58.917	26.300		25.700	1	UBND huyện Ba Vì	
31	Đường trục các thôn: 1, 2, 9, xã Ba Trại		1	Ba Trại - Ba Vì	2016-2020	Tiêu chuẩn đường GTNT, chiều dài 4km	2024/QĐ-UBND 31/12/2013; 506/QĐ-UBND 27/3/2017	44.009	8.000		32.500	1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2019		Kế hoạch năm 2020	CTH T 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
II.4	Lĩnh vực trường học		15					282.297	242.500		24.800	15		
1	Trường THCS Ba Vi (điểm thôn Yên Sơn)		1	Ba Vi - Ba Vi	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1355/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1407/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1428/QĐ-UBND; 03/11/2014	17.303	15.000		1.500	1	UBND huyện Ba Vi	
2	Trường THCS Ba Vi (điểm thôn Hợp Nhất)		1	Ba Vi - Ba Vi	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1354/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1406/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1427/QĐ-UBND; 03/11/2014	22.848	18.000		2.000	1	UBND huyện Ba Vi	
3	Trường mầm non Minh Quang B		1	Minh Quang - Ba Vi	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1348/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1448/QĐ-UBND; 03/11/2014	14.632	12.000		1.900	1	UBND huyện Ba Vi	
4	Trường mầm non Minh Quang A		1	Minh Quang - Ba Vi	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1601/QĐ-UBND; 08/11/2013; 1458/QĐ-UBND; 03/11/2014	13.468	11.000		2.000	1	UBND huyện Ba Vi	

TT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2019		Kế hoạch năm 2020	CTH T 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Trường tiểu học Minh Quang B		1	Minh Quang - Ba Vi	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1349/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1409/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1491/QĐ-UBND; 03/11/2014	20.451	18.000		900	1	UBND huyện Ba Vi	
6	Trường THCS Minh Quang		1	Minh Quang - Ba Vi	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1351/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1444/QĐ-UBND; 03/11/2014	10.829	9.000		1.000	1	UBND huyện Ba Vi	
7	Trường mầm non Ba Trại		1	Ba Trại - Ba Vi	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1356/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1405/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1431/QĐ-UBND; 03/11/2014	22.017	20.000		2.000	1	UBND huyện Ba Vi	
8	Trường mầm non Tân Lĩnh B		1	Tân Lĩnh - Ba Vi	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1611/QĐ-UBND; 08/11/2013	16.438	14.000		1.000	1	UBND huyện Ba Vi	
9	Trường mầm non Tân Lĩnh A		1	Tân Lĩnh - Ba Vi	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1374/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1404/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1426/QĐ-UBND; 03/11/2014	23.534	19.500		2.000	1	UBND huyện Ba Vi	
10	Trường mầm non Vân Hoà		1	Vân Hoà - Ba Vi	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1375/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1293/QĐ-UBND; 24/10/2014; 1478/QĐ-UBND; 03/11/2014	29.877	26.000		3.000	1	UBND huyện Ba Vi	

TT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2019		Kế hoạch năm 2020	CTH T 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
11	Trường tiểu học Văn Hoà		1	Vân Hòa - Ba Vì	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1336/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1408/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1477/QĐ-UBND; 03/11/2014	22.551	20.000		1.700	1	UBND huyện Ba Vì	
12	Trường tiểu học Yên Bài B (khu Phú Yên)		1	Yên Bài - Ba Vì	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1343/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1483/QĐ-UBND; 03/11/2014	14.475	12.000		2.000	1	UBND huyện Ba Vì	
13	Trường tiểu học Yên Bài B (khu Việt Yên)		1	Yên Bài - Ba Vì	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1344/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1484/QĐ-UBND; 03/11/2014	10.709	9.000		1.500	1	UBND huyện Ba Vì	
14	Trường THCS Yên Bài A		1	Yên Bài - Ba Vì	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1345/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1411/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1492/QĐ-UBND; 03/11/2014	21.945	19.500		1.800	1	UBND huyện Ba Vì	
15	Trường THCS Yên Bài B		1	Yên Bài - Ba Vì	2016-2020	XD mới, quy mô theo chuẩn QG về giáo dục	1346/QĐ-UBND; 23/10/2013; 1412/QĐ-UBND; 31/10/2014; 1493/QĐ-UBND; 03/11/2014	21.220	19.500		500	1	UBND huyện Ba Vì	
B	<u>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THÀNH PHỐ</u>	1						147.280	1.100		100.000			

TT	Danh mục chương trình/dự án	Cấp dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Mục tiêu, chỉ tiêu/ Năng lực thiết kế	Dự án được duyệt		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết KH 2019		Kế hoạch năm 2020	CTH T 2020	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày QĐ	TMDT	Tổng số	Riêng năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	CTMT nhằm giảm thiểu ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 - 2020	1						147.280	1.100		100.000			
I.1	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2017-2018	1						147.280	1.100		100.000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng cầu vượt tại nút giao đường Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch	1		Đồng Đa	2018-2019	L=18m; 7 nhịp (30+2x26+4x37+30); B=9m	1172/QĐ-UBND 26/02/2014; 6125/QĐ-UBND 31/10/2019	147.280	1.100		100.000		Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	